NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ KINH TẾ - TÀI CHÍNH CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH BẤT ỔN ĐỊA CHÍNH TRỊ TRUNG ĐÔNG

TS. Nguyễn Thanh Minh* - TS. Nguyễn Văn Thông - ThS. Nguyễn Khắc Miễn*** ThS. Nguyễn Văn Dũng******

Bài viết phân tích tác động của bất ổn địa chính trị tại Trung Đông đến kinh tế - tài chính toàn cầu và ảnh hưởng đối với Việt Nam năm 2025. Nghiên cứu chỉ ra các kênh tác động chính gồm biến động giá năng lượng, gián đoạn chuỗi cung ứng, rủi ro tài chính và áp lực lạm phát. Kết quả cho thấy Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng khá cao (GDP khoảng 8,02%), lạm phát được kiểm soát (3,31%) và cân đối thương mại ổn định nhưng còn hạn chế về năng lực dự báo, tính linh hoạt chính sách và khả năng ứng phó cú sốc bên ngoài. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp như tăng cường phối hợp chính sách tài khóa - tiền tệ, nâng cao năng lực dự báo rủi ro, ổn định thị trường, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý và đa dạng hóa thị trường, nguồn cung nhằm nâng cao sức chống chịu và phát triển bền vững của kinh tế Việt Nam.

• Từ khóa: *quản lý, kinh tế - tài chính, Việt Nam, bất ổn địa chính trị.*

The article analyzes the impact of geopolitical instability in the Middle East on the global economic and financial environment and its effects on Vietnam in 2025. The study identifies the main transmission channels, including energy price fluctuations, supply chain disruptions, financial market risks, and inflationary pressures. The findings show that Vietnam has maintained relatively high growth (GDP of approximately 8.02%), controlled inflation (3.31%), and stable trade balances, but still faces limitations in forecasting capacity, policy flexibility, and resilience to external shocks. Based on these findings, the article proposes several solutions, such as strengthening coordination between fiscal and monetary policies, improving risk forecasting capacity, stabilizing markets, promoting digital transformation in governance, and diversifying markets and supply sources to enhance resilience and ensure the sustainable development of Vietnam's economy.

• Key words: *management, economic-financial, Vietnam, geopolitical instability.*

Ngày nhận bài: 07/3/2026
Ngày gửi phản biện: 30/3/2026
Ngày duyệt đăng: 07/5/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.01

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, các nền kinh tế ngày càng có mức độ liên kết và phụ thuộc lẫn nhau, khiến cho những biến động tại một khu vực có thể nhanh chóng lan tỏa và tạo ra tác động dây chuyền trên phạm vi toàn cầu. Đặc biệt, các bất ổn địa chính trị tại khu vực Trung Đông - một trong những trung tâm năng lượng và tuyến vận tải chiến lược của thế giới đang trở thành nhân tố quan trọng làm gia tăng rủi ro đối với hệ thống kinh tế - tài chính quốc tế. Đối với Việt Nam - một nền kinh tế có độ mở cao, phụ thuộc đáng kể vào thương mại quốc tế và nhập khẩu năng lượng, các cú sốc từ bên ngoài, đặc biệt là từ khu vực Trung Đông, có thể tác động đa chiều đến tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô cũng như hiệu quả điều hành chính sách tài chính - tiền tệ. Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, trước những biến động ngày càng phức tạp của môi trường quốc tế, đặc biệt là rủi ro địa chính trị gia tăng, hệ thống quản lý kinh tế - tài chính của Việt Nam đang đứng trước yêu cầu phải nâng cao tính chủ động, linh hoạt và khả năng thích ứng. Xuất phát từ những vấn đề trên, việc nghiên cứu tác động của bất ổn địa chính trị tại Trung Đông đến nền kinh tế Việt Nam, đồng thời đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - tài chính là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Cơ sở lý luận

Các vấn đề lý luận về tác động của bất ổn địa chính trị đối với quản lý kinh tế - tài chính được hình

** Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, email: ntminh@ictu.edu.vn*
*** Trường Đại học Kinh tế và QTKD - ĐH Thái Nguyên (TUEBA), email: nguyenthong270876@gmail.com (Tác giả liên hệ)*
**** Trại giam Phú Sơn 4, Cục C10, Bộ Công an*
***** Ban Xây dựng Đảng xã Xuân Mai, Thành phố Hà Nội*

thành trên nền tảng của nhiều hướng tiếp cận khác nhau trong kinh tế học hiện đại. Trước hết, rủi ro địa chính trị được xem là một dạng rủi ro ngoại sinh, phát sinh từ các sự kiện như xung đột quân sự, căng thẳng chính trị hoặc khủng hoảng khu vực. Theo Caldara và Iacoviello (2022), mức độ gia tăng của rủi ro địa chính trị có thể làm suy giảm hoạt động đầu tư, gia tăng biến động thị trường tài chính và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua việc làm gia tăng tính bất định của môi trường kinh doanh. Điều này phù hợp với lập luận của Keynes khi cho rằng kỳ vọng và tâm lý thị trường đóng vai trò quan trọng trong quyết định đầu tư và tiêu dùng trong điều kiện bất định (Keynes, 1936).

Trong bối cảnh Trung Đông - khu vực cung cấp phần lớn nguồn năng lượng toàn cầu - các bất ổn địa chính trị thường tác động trực tiếp đến giá dầu và khí đốt. Hamilton (2009) chỉ ra rằng các cú sốc giá dầu có mối liên hệ chặt chẽ với suy thoái kinh tế, đặc biệt đối với các quốc gia nhập khẩu năng lượng. Theo cơ chế truyền dẫn, giá năng lượng tăng sẽ làm gia tăng chi phí sản xuất, từ đó đẩy giá hàng hóa và dịch vụ lên cao, gây áp lực lạm phát và làm suy giảm sức mua của nền kinh tế. Đồng thời, nghiên cứu của Kilian (2008) cũng nhấn mạnh rằng biến động giá dầu không chỉ phản ánh yếu tố cung mà còn chịu tác động từ cầu toàn cầu và kỳ vọng thị trường, làm cho ảnh hưởng của nó đến kinh tế vĩ mô trở nên phức tạp hơn.

Bên cạnh kênh năng lượng, lý thuyết về truyền dẫn cú sốc bên ngoài cho thấy các biến động quốc tế có thể lan tỏa thông qua thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo Backer và cộng sự (2016), sự gián đoạn trong chuỗi giá trị toàn cầu có thể làm giảm hiệu quả sản xuất, gia tăng chi phí logistics và làm suy giảm năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Trên phương diện tài chính, lý thuyết thị trường tài chính quốc tế chỉ ra rằng bất ổn địa chính trị thường dẫn đến hiện tượng "flight to safety", khi dòng vốn có xu hướng dịch chuyển từ các thị trường mới nổi sang các tài sản an toàn hơn (Rey, 2015). Điều này có thể gây áp lực lên tỷ giá, lãi suất và thị trường chứng khoán tại các quốc gia đang phát triển. Đồng thời, Obstfeld và Rogoff (1996) cũng cho rằng trong nền kinh tế mở, các cú sốc bên ngoài có thể nhanh chóng truyền dẫn vào trong nước thông qua kênh tỷ giá và cán cân thanh toán.

Về điều hành chính sách, lý thuyết ổn định kinh tế vĩ mô nhấn mạnh vai trò phối hợp giữa chính sách tài khóa và tiền tệ trong việc giảm thiểu tác động của các cú sốc. Blanchard và Johnson (2013) cho rằng sự phối hợp hiệu quả giữa hai chính sách này giúp duy trì ổn định giá cả, hỗ trợ tăng trưởng và giảm thiểu biến động kinh tế. Trong điều kiện bất định gia tăng, các quốc gia cần nâng cao năng lực dự báo và xây dựng hệ thống cảnh báo sớm để kịp thời điều chỉnh chính sách. Bên cạnh đó, IMF (2023) cũng khuyến nghị các nền kinh tế mới nổi cần tăng cường dư địa chính sách và củng cố nền tảng tài chính nhằm nâng cao khả năng chống chịu trước các cú sốc toàn cầu.

Từ các lập luận trên có thể thấy, bất ổn địa chính trị tại Trung Đông tác động đến nền kinh tế thông qua nhiều kênh khác nhau, bao gồm giá năng lượng, thương mại - chuỗi cung ứng, thị trường tài chính và kỳ vọng thị trường. Những tác động này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - tài chính, đặc biệt trong bối cảnh các nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng và dễ bị tổn thương trước các biến động bên ngoài.

3. Thực trạng quản lý kinh tế - tài chính của Việt Nam trong bối cảnh bất ổn địa chính trị Trung Đông

3.1. Những kết quả đạt được

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2025 chịu nhiều tác động từ bất ổn địa chính trị, đặc biệt là xung đột kéo dài tại khu vực Trung Đông, Việt Nam vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực trong quản lý kinh tế - tài chính, thể hiện rõ qua các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng.

Trước hết, tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao, cho thấy khả năng chống chịu và thích ứng tốt của nền kinh tế. Cụ thể, năm 2025, GDP Việt Nam tăng trưởng 8,02%, đưa quy mô nền kinh tế đạt khoảng 514 tỷ USD, tiếp tục nằm trong nhóm quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á (Cục Thống kê, 2026). Đây là kết quả rất đáng chú ý trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ dao động quanh mức 3% và chịu nhiều tác động từ xung đột, đứt gãy chuỗi cung ứng và biến động giá năng lượng.

Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025

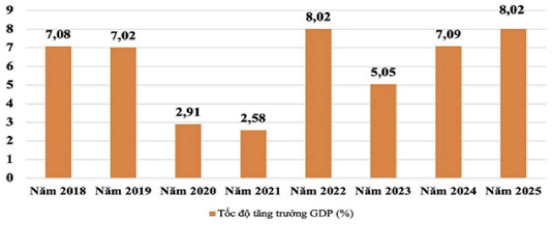

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Thống kê

Song song với tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì. Lạm phát được kiểm soát hiệu quả khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm

2025 tăng khoảng 3,31%, trong khi lạm phát cơ bản duy trì quanh mức 3,2%, nằm trong mục tiêu kiểm soát của Chính phủ. Điều này cho thấy hiệu quả của việc điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, đặc biệt trong việc "neo kỳ vọng lạm phát" trước các cú sốc từ giá dầu và chi phí logistics toàn cầu.

Một điểm sáng quan trọng khác là hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục tăng trưởng mạnh, góp phần củng cố cân đối vĩ mô. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm trước và duy trì thặng dư thương mại khoảng 20 tỷ USD. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 107,95 tỷ USD, giảm 6,1%, chiếm 22,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 367,09 tỷ USD, tăng 26,1%, chiếm 77,3%. Quy mô thương mại lớn không chỉ phản ánh mức độ hội nhập sâu rộng mà còn cho thấy khả năng duy trì dòng chảy hàng hóa trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu chịu ảnh hưởng từ xung đột địa chính trị.

Hình 1. Kết quả xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2025



Nguồn: Cục Thống kê, 2026

Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục tăng trưởng tích cực, đạt khoảng 27,62 tỷ USD vốn thực hiện, tăng 9% so với năm trước và là mức cao nhất trong 5 năm gần đây (AsemconnectVietnam, 2026). Điều này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào môi trường kinh doanh và triển vọng kinh tế dài hạn của Việt Nam, ngay cả trong bối cảnh rủi ro toàn cầu gia tăng.

Trong lĩnh vực sản xuất, khu vực công nghiệp - đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo - tiếp tục đóng vai trò động lực tăng trưởng với mức tăng gần 10%, trong khi sản lượng công nghiệp toàn ngành tăng khoảng 9,2%. Đây là cơ sở quan trọng giúp Việt Nam duy trì năng lực xuất khẩu và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, bất chấp các gián đoạn từ bên ngoài. Ngoài ra, tổng cầu trong nước cũng được cải thiện rõ rệt. Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng gần 9,8%, cùng với sự phục hồi mạnh mẽ của du lịch khi lượng khách quốc tế tăng đáng kể. Điều này cho thấy chính sách tài khóa mở rộng có trọng tâm đã phát huy hiệu quả trong việc kích thích tiêu dùng và hỗ trợ tăng trưởng.

Một thành tựu đáng chú ý khác là sự cải thiện trong điều hành chính sách theo hướng chủ động và linh hoạt hơn. Việt Nam đã từng bước áp dụng cách tiếp cận "neo kỳ vọng thị trường", đặc biệt trong điều hành giá xăng dầu và kiểm soát lạm phát. Việc minh bạch thông tin, kết hợp linh hoạt các công cụ như quỹ bình ổn, điều chỉnh thuế phí và điều tiết nguồn cung đã góp phần làm "mềm hóa" các cú sốc giá năng lượng từ bên ngoài, hạn chế tác động lan tỏa đến toàn bộ nền kinh tế. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa chính sách tài khóa và tiền tệ ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn. Thay vì nới lỏng đại trà, các chính sách hỗ trợ được triển khai theo hướng có mục tiêu, tập trung vào duy trì dòng tiền cho doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực xuất khẩu. Điều này giúp giảm độ trễ của cú sốc chi phí và hạn chế tình trạng đứt gãy sản xuất trong bối cảnh chi phí logistics và năng lượng gia tăng.

Ở góc độ dài hạn, Việt Nam cũng đã bước đầu chuyển từ tư duy "ứng phó" sang "chủ động thích ứng". Các định hướng như nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, phát triển hạ tầng logistics, số hóa chuỗi cung ứng và đa dạng hóa thị trường đã được chú trọng hơn trong điều hành chính sách. Đây là những nền tảng quan trọng giúp nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc địa chính trị, đặc biệt là những cú sốc có tính kéo dài và lan tỏa rộng như tại Trung Đông.

3.2. Khó khăn và hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng quản lý kinh tế - tài chính của Việt Nam trong bối cảnh bất ổn địa chính trị, đặc biệt từ khu vực Trung Đông, vẫn bộc lộ nhiều khó khăn và hạn chế mang tính cấu trúc, ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành và khả năng chống chịu của nền kinh tế.

Trước hết, một trong những hạn chế lớn nhất là năng lực dự báo và cảnh báo sớm rủi ro còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Các cú sốc địa chính trị thường mang tính bất ngờ, phi tuyến và lan tỏa nhanh, trong khi hệ thống phân tích và dự báo của Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào dữ liệu quá khứ và chưa tích hợp đầy đủ các công cụ phân tích hiện đại. Điều này dẫn đến việc chính sách trong một số thời điểm còn mang tính phản ứng, thiếu kịch bản linh hoạt cho các tình huống bất lợi kéo dài như biến động giá dầu hay gián đoạn chuỗi cung ứng.

Thứ hai, tính linh hoạt và phối hợp chính sách chưa thực sự tối ưu. Mặc dù đã có sự phối hợp giữa

chính sách tài khóa và tiền tệ, nhưng trong thực tế, vẫn tồn tại độ trễ nhất định trong triển khai và thiếu sự đồng bộ hoàn toàn giữa các công cụ chính sách. Trong bối cảnh năm 2025, khi tăng trưởng GDP đạt khoảng 8,02% nhưng áp lực lạm phát vẫn hiện hữu (khoảng 3,31%), việc cân bằng giữa mục tiêu ổn định giá cả và hỗ trợ tăng trưởng đặt ra thách thức lớn. Nếu nới lỏng quá mức có thể làm gia tăng rủi ro lạm phát, trong khi thắt chặt lại có thể ảnh hưởng đến phục hồi kinh tế.

Thứ ba, dư địa chính sách ngày càng bị thu hẹp. Chính sách tài khóa phải đối mặt với áp lực từ nhu cầu chi tiêu lớn cho đầu tư phát triển, an sinh xã hội và hỗ trợ doanh nghiệp, trong khi nguồn thu ngân sách chịu ảnh hưởng từ biến động kinh tế toàn cầu. Đồng thời, chính sách tiền tệ cũng bị giới hạn bởi mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá trong bối cảnh dòng vốn quốc tế biến động mạnh. Điều này khiến khả năng ứng phó với các cú sốc kéo dài trở nên khó khăn hơn.

Một hạn chế mang tính cơ cấu khác là mức độ phụ thuộc cao vào bên ngoài của nền kinh tế. Với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 lên tới khoảng 930 tỷ USD (gấp gần 1,8 lần GDP), nền kinh tế Việt Nam dễ bị tổn thương trước các biến động toàn cầu. Đặc biệt, sự phụ thuộc vào nhập khẩu năng lượng khiến chi phí sản xuất trong nước chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động giá dầu do xung đột Trung Đông. Điều này không chỉ gây áp lực lên lạm phát mà còn ảnh hưởng đến cán cân thương mại và ổn định vĩ mô.

Bên cạnh đó, hệ thống logistics và chuỗi cung ứng trong nước vẫn còn nhiều điểm nghẽn. Chi phí logistics của Việt Nam vẫn ở mức cao so với khu vực, trong khi năng lực kết nối và khả năng thích ứng với các cú sốc bên ngoài còn hạn chế. Khi xảy ra gián đoạn vận tải quốc tế do xung đột địa chính trị, doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn trong việc điều chỉnh tuyến vận chuyển, dẫn đến tăng chi phí và giảm hiệu quả kinh doanh.

Trên phương diện tài chính, thị trường tài chính còn nhạy cảm với biến động bên ngoài và tiềm ẩn rủi ro hệ thống. Dòng vốn quốc tế có thể biến động nhanh theo tâm lý thị trường toàn cầu, trong khi năng lực giám sát và điều tiết thị trường tài chính trong nước vẫn cần được nâng cao. Ngoài ra, rủi ro tín dụng trong một số ngành chịu tác động kép từ chi phí và cầu thị trường (như bất động sản, xuất khẩu) vẫn là vấn đề cần được kiểm soát chặt chẽ.

Một vấn đề đáng chú ý khác là chuyển đổi số trong quản lý kinh tế - tài chính còn chưa đồng bộ và hiệu quả chưa cao. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ, nhưng hạ tầng dữ liệu, khả năng liên thông giữa các cơ quan và mức độ ứng dụng công nghệ trong phân tích, dự báo vẫn còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng ra quyết định chính sách trong bối cảnh môi trường kinh tế biến động nhanh.

Nhìn chung, những khó khăn và hạn chế nêu trên cho thấy mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong quản lý kinh tế - tài chính, song vẫn cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực dự báo và tăng cường tính linh hoạt trong điều hành. Đây là những điều kiện quan trọng để nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế trước các cú sốc địa chính trị ngày càng phức tạp trong thời gian tới.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - tài chính của Việt Nam trong bối cảnh bất ổn địa chính trị Trung Đông

Trước những khó khăn và hạn chế đã phân tích, việc nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - tài chính của Việt Nam cần được tiếp cận theo hướng chủ động, linh hoạt và có tính hệ thống, nhằm không chỉ ứng phó với các cú sốc ngắn hạn mà còn tăng cường sức chống chịu và năng lực thích ứng trong dài hạn.

Một là, cần nâng cao năng lực dự báo và xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro vĩ mô. Đây là giải pháp mang tính nền tảng trong bối cảnh các cú sốc địa chính trị ngày càng khó lường. Nhà nước cần đầu tư phát triển các mô hình dự báo hiện đại, tích hợp dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và các kịch bản mô phỏng để đánh giá tác động của biến động giá năng lượng, thị trường tài chính và chuỗi cung ứng toàn cầu. Đồng thời, cần xây dựng các kịch bản điều hành chính sách theo từng cấp độ rủi ro (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn), giúp giảm tính bị động trong phản ứng chính sách.

Hai là, cần tăng cường hiệu quả phối hợp giữa chính sách tài khóa và tiền tệ theo hướng linh hoạt và có mục tiêu. Trong điều kiện áp lực lạm phát và tăng trưởng cùng tồn tại, việc điều hành cần đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ đúng đối tượng, tránh nới lỏng đại trà. Chính sách tiền tệ cần tiếp tục điều hành thận trọng, kiểm soát tín dụng theo lĩnh vực, ưu tiên vốn cho sản xuất - xuất khẩu và các ngành có khả năng lan tỏa cao. Trong khi đó, chính sách tài khóa nên tập trung vào các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp thông qua giảm thuế, phí có chọn lọc, đồng thời đẩy mạnh đầu tư công để kích thích tổng cầu.

Ba là, cần nâng cao hiệu quả điều hành giá và "neo kỳ vọng thị trường", đặc biệt đối với các mặt hàng chiến lược như xăng dầu và năng lượng. Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều hành giá theo hướng minh bạch, nhất quán và có lộ trình rõ ràng, kết hợp

linh hoạt các công cụ như quỹ bình ổn, thuế và dự trữ để giảm thiểu tác động của biến động giá quốc tế. Đồng thời, tăng cường truyền thông chính sách nhằm ổn định tâm lý thị trường, hạn chế các phản ứng dây chuyền gây bất ổn giá cả.

Bốn là, cần giảm thiểu mức độ phụ thuộc vào bên ngoài thông qua đa dạng hóa thị trường và nguồn cung. Việt Nam cần tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, đồng thời tìm kiếm các nguồn cung nguyên nhiên liệu thay thế nhằm giảm rủi ro từ một số khu vực nhất định như Trung Đông. Việc phát triển các nguồn năng lượng trong nước, đặc biệt là năng lượng tái tạo, cũng là giải pháp quan trọng để giảm thiểu tác động từ biến động giá dầu toàn cầu.

Năm là, cần phát triển hệ thống logistics và nâng cao khả năng thích ứng của chuỗi cung ứng. Nhà nước cần đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng logistics, cảng biển, kho bãi và hệ thống vận tải đa phương thức nhằm giảm chi phí và tăng tính linh hoạt trong vận chuyển hàng hóa. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản lý chuỗi cung ứng, tối ưu hóa tồn kho và dự báo nhu cầu, qua đó nâng cao khả năng ứng phó với gián đoạn quốc tế.

Sáu là, cần tăng cường ổn định hệ thống và nâng cao năng lực giám sát thị trường. Việc kiểm soát rủi ro tín dụng theo ngành, nâng cao chất lượng tài sản của các tổ chức tín dụng và tăng cường minh bạch thị trường tài chính là những yếu tố quan trọng nhằm giảm thiểu rủi ro hệ thống. Đồng thời, cần phát triển các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính như bảo hiểm giá, hợp đồng kỳ hạn và các sản phẩm phái sinh để hỗ trợ doanh nghiệp quản lý rủi ro tỷ giá, lãi suất và giá nguyên liệu.

Bảy là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý kinh tế - tài chính. Việc xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông, hiện đại hóa quản lý thu - chi ngân sách, thuế, hải quan và thị trường tài chính sẽ giúp nâng cao hiệu quả điều hành và rút ngắn thời gian phản ứng chính sách. Đồng thời, ứng dụng công nghệ trong phân tích dữ liệu sẽ hỗ trợ nâng cao chất lượng dự báo và ra quyết định.

Tám là, cần nâng cao năng lực quản trị rủi ro của doanh nghiệp - một mắt xích quan trọng trong khả năng chống chịu của nền kinh tế. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong việc tiếp cận thông tin thị trường, công cụ tài chính và đào tạo kỹ năng quản trị rủi ro. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp chủ động đa dạng hóa thị trường, tối ưu hóa chi phí và nâng cao năng lực dự báo để thích ứng với biến động quốc tế.

Kết luận: Trong bối cảnh bất ổn địa chính trị tại khu vực Trung Đông ngày càng phức tạp và kéo dài, nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt với nhiều rủi ro mang tính hệ thống, đặc biệt thông qua các kênh truyền dẫn như giá năng lượng, chuỗi cung ứng và thị trường tài chính. Đối với Việt Nam - một nền kinh tế có độ mở cao, những biến động này không chỉ tạo áp lực lên ổn định kinh tế vĩ mô mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - tài chính. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong năm 2025, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận như duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức cao, kiểm soát lạm phát trong mục tiêu, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế và giữ vững niềm tin của nhà đầu tư. Những kết quả này phản ánh sự cải thiện trong điều hành chính sách theo hướng linh hoạt, chủ động hơn, đặc biệt trong việc phối hợp chính sách tài khóa - tiền tệ và kiểm soát các cú sốc từ bên ngoài. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác quản lý kinh tế - tài chính vẫn tồn tại không ít hạn chế, như năng lực dự báo còn chưa đáp ứng yêu cầu, dư địa chính sách bị thu hẹp, mức độ phụ thuộc vào bên ngoài còn lớn và khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc địa chính trị còn hạn chế. Những yếu tố này làm gia tăng tính dễ tổn thương của nền kinh tế trong bối cảnh môi trường quốc tế ngày càng bất định. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ và dài hạn. Nhìn chung, trong bối cảnh bất ổn địa chính trị toàn cầu tiếp tục diễn biến khó lường, việc chuyển từ tư duy "ứng phó bị động" sang "chủ động thích ứng" có ý nghĩa then chốt đối với Việt Nam. Nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - tài chính không chỉ là giải pháp trước mắt nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực, mà còn là điều kiện quan trọng để củng cố nền tảng phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường vị thế của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

AsemconnectVietnam (2026). Các chỉ số kinh tế của Việt Nam trong tháng 12 và quý 4 năm 2025.

Backer, K. D., Miroudot, S., & Ragoussis, A. (2016). Global Value Chains and Trade in Value Added: An Initial Analysis. OECD Publishing.

Blanchard, O., & Johnson, D. R. (2013). Macroeconomics (6th ed.). Pearson.

Caldara, D., & Iacoviello, M. (2022). Measuring Geopolitical Risk. American Economic Review, 112(4), 1194-1225.

Cục Thống kê (2026). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025.

Hamilton, J. D. (2009). Causes and Consequences of the Oil Shock of 2007-08. Brookings Papers on Economic Activity, 40(1), 215-261.

IMF (2023). World Economic Outlook: Navigating Global Divergences. International Monetary Fund.

Keynes, J. M. (1936). The General Theory of Employment, Interest and Money. Macmillan.

Kilian, L. (2008). The Economic Effects of Energy Price Shocks. Journal of Economic Literature, 46(4), 871-909.

Obstfeld, M., & Rogoff, K. (1996). Foundations of International Macroeconomics. MIT Press.

Rey, H. (2015). Dilemma not Trilemma: The Global Financial Cycle and Monetary Policy Independence. NBER Working Paper.